

Vietnam Hippo 2

No	Cand no	Name & surname	School	Country	R	U	L	Total
1	1019178	DO NGOC GIA BAO	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	28,5	21	83,5
2	1017490	DO VIET NGOC HAI	HANOI STAR SCHOOL	Vietnam	34	27	22	83
3	1017061	VUONG TRI DUNG	FPT SCHOOL	Vietnam	34	27	21	82
4	1017872	PHAM NGOC NGUYEN BAO	THANH XUAN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	27	21	82
5	1016976	TRUONG BAO QUYEN	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	25,5	22	81,5
6	1017846	TRAN THAO PHUONG	NGUYEN LAN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	25,5	22	81,5
7	1018238	PHUNG HUYEN NHI	KHUONG DINH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	25,5	22	81,5
8	1018548	NGUYEN VU TRA MY	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	25,5	22	81,5
9	1018780	NGUYEN THI NGOC ANH	TRAN QUOC TOAN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	25,5	22	81,5
10	1019066	NGUYEN HUE ANH	VIET NAM-ANGIERI SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	25,5	22	81,5
11	1019160	LE THI BAO MINH	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	25,5	22	81,5
12	1019673	MAI DIEU HUONG	NAM TU LIEM SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	25,5	22	81,5
13	1016494	DOAN HANH NHI	GIANG VO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	27	21	81
14	1016795	NGUYEN THUY TRANG	FPT SCHOOL	Vietnam	32	27	22	81
15	1017269	TRAN THI THAO PHUONG	TAN DINH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	25,5	21	80,5
16	1018209	HOANG HA MY	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Vietnam	33	25,5	22	80,5
17	1018543	DANG TRUONG NGUYEN KHOI	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	25,5	21	80,5
18	1018550	HO QUOC DANG	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	25,5	22	80,5
19	1018563	NGUYEN CHAU ANH	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	25,5	22	80,5
20	1018729	VU NGOC TRANG LINH	NAM TU LIEM SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	25,5	21	80,5
21	1018867	NGUYEN TU UYEN	THANH LIET SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	25,5	22	80,5
22	1019148	DANG TRAN HUY	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	25,5	21	80,5
23	1016486	MA TRUNG DUC	PHAN THIET SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	24	22	80
24	1016710	TRINH GIA LINH	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	27	21	80
25	1016854	PHAN DOAN MINH HUNG	HOA BINH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	24	22	80
26	1017218	VU NHAT MINH	HANOI STAR SCHOOL	Vietnam	34	24	22	80
27	1017619	NGUYEN HA LE	VINSCHOOL TIMES CITY	Vietnam	34	24	22	80
28	1017711	NGUYEN THIEN PHUONG	NHAT TAN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	24	22	80
29	1018573	NGHIEM LINH CHI	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	24	22	80
30	1018577	CAO NGOC KHANH	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	24	22	80

31	1018731	NGUYEN HOANG BACH	NAM TU LIEM SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	24	22	80
32	1018798	LE NGUYEN KHANH MY	THANG LONG PRIMARY SCHOOL	Vietnam	34	24	22	80
33	1019069	DINH DIEM BAO ANH	VIET NAM-ANGIERI SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	24	22	80
34	1016468	LE MINH QUY	NEWTON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Vietnam	33	25,5	21	79,5
35	1016824	TRAN NGUYEN KHOI NGUYEN	VIET ANH PRIMARY SCHOOL	Vietnam	33	25,5	21	79,5
36	1017439	TRAN THE HIEU	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	25,5	21	79,5
37	1018559	PHAM LE HA	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	25,5	21	79,5
38	1018564	TRAN NGOC NGUYEN THAO	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	25,5	21	79,5
39	1018649	VO TRAN GIA PHU	THAI BINH DUONG PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Vietnam	33	25,5	21	79,5
40	1019048	NGUYEN TRONG THANH	VINSCHOOL GARDENIA	Vietnam	32	25,5	22	79,5
41	1019165	HA PHUC HUNG	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	25,5	21	79,5
42	1019183	NGUYEN VU QUYNH CHI	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	25,5	22	79,5
43	1016763	VO THANH TIEN	IGSHCMC	Vietnam	34	24	21	79
44	1016855	TA HA LINH	THANH XUAN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	24	22	79
45	1016896	NGUYEN TRUONG SON	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	24	21	79
46	1016917	DOAN PHAM BAO THU	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	24	22	79
47	1016938	PHAN THI NGOC NHI	LAM SON SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	24	22	79
48	1017196	BUI DOAN KHANH AN	LAM SON SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	24	22	79
49	1017229	LE HUYNH BAO KHANH	LAM SON SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	24	22	79
50	1017330	NGUYEN NGOC THU GIANG	VINSCHOOL CENTRAL PARK	Vietnam	34	24	21	79
51	1017398	VU NAM PHUONG	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	24	22	79
52	1017659	BUI THI MY HANH	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	24	22	79
53	1017660	BUI THANH MAI	NAM TU LIEM SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	24	21	79
54	1017759	CAO DUC MINH	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	24	21	79
55	1017863	TRUONG PHUONG THAO	THANH XUAN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	24	22	79
56	1018567	NGUYEN TRAN HOAI ANH	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	24	22	79
57	1018856	CHU LE THUY CHI	THANH LIET SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	24	22	79
58	1018859	NGUYEN VU NGUYEN ANH	THANH LIET SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	24	22	79
59	1018922	LUONG THI HUONG GIANG	WESTERN HANOI SCHOOL	Vietnam	33	24	22	79
60	1019173	BUI MINH THU	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	24	22	79
61	1019281	NGUYEN THAO QUYEN	SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL	Vietnam	34	24	21	79
62	1019282	VU NGO GIA BAO	SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL	Vietnam	34	24	21	79
63	1019442	TRAN VIET DUC	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	30	27	22	79

64	1016547	NGUYEN VIET PHONG	HUNG VUONG HIGH-QUALITY SCHOOL	Vietnam	32	25,5	21	78,5
65	1016563	CHU NGUYEN HUNG	NGUYEN TRAI SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	25,5	21	78,5
66	1016953	LE NGOC PHUC NHA	LE LOI PRIMARY SCHOOL	Vietnam	34	22,5	22	78,5
67	1017094	TRINH PHUONG CHI	LY NAM DE SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	25,5	22	78,5
68	1017454	NGUYEN LINH CHI	HANOI STAR SCHOOL	Vietnam	32	25,5	21	78,5
69	1017637	LA ANH NHAT	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	25,5	22	78,5
70	1017845	LE THI YEN ANH	NGUYEN LAN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	25,5	20	78,5
71	1018236	PHAM HA ANH	KHUONG DINH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	22,5	22	78,5
72	1018582	NGUYEN NGOC ANH	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	25,5	22	78,5
73	1019063	TRAN THANH LAM	VIET NAM-ANGIERI SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	22,5	22	78,5
74	1019065	DANG HONG GIA SAN	VIET NAM-ANGIERI SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	25,5	21	78,5
75	1019164	HOANG TUAN MINH	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	25,5	21	78,5
76	1019177	NGUYEN NAM KHANH	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	22,5	22	78,5
77	1019278	BUI MINH HIEU	SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL	Vietnam	33	25,5	20	78,5
78	1019662	VU DUC PHAP	HO XUAN HUONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	25,5	20	78,5
79	1016552	NGUYEN HAI NGUYET	HUNG VUONG HIGH-QUALITY SCHOOL	Vietnam	33	24	21	78
80	1016927	NGUYEN THU THAO	PEDAGOGICAL PRACTICE HIGH SCHOOL	Vietnam	32	24	22	78
81	1016939	LE NGOC LAM	LAM SON SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	24	21	78
82	1017462	TRAN HOANG AN NHI	HANOI STAR SCHOOL	Vietnam	32	24	22	78
83	1017552	NGUYEN LE HA MY	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	24	22	78
84	1017895	NGUYEN THI BAO NGOC	PHU THI SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	24	22	78
85	1018121	NGUYEN HOANG NHU NGOC	MY HANH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	24	22	78
86	1018560	NGUYEN HOANG TUE MINH	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	24	22	78
87	1018561	PHAM HA BAO DUY	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	24	22	78
88	1018576	NGUYEN GIA LINH	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	24	21	78
89	1018578	NGUYEN THANH MAI	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	24	21	78
90	1019174	TRAN THAO NGUYEN	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	24	22	78
91	1016485	TRUONG TRONG TUYEN	PHAN THIET SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	22,5	22	77,5
92	1016735	VU TRAN LAM PHONG	FPT SCHOOL	Vietnam	34	22,5	21	77,5
93	1017516	LE MINH KHOA	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	22,5	22	77,5
94	1017613	NGUYEN GIA BACH	NHAT TAN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	25,5	21	77,5
95	1017630	PHAM TUONG VY	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	22,5	21	77,5
96	1017875	NGO HOAI AN	THANH XUAN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	22,5	21	77,5

97	1018239	NGUYEN TRONG DUC	KHUONG DINH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	22,5	22	77,5
98	1018734	NGUYEN VU PHUONG THAO	NAM TU LIEM SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	22,5	22	77,5
99	1018740	NGUYEN TUAN BAO	NAM TU LIEM SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	22,5	22	77,5
100	1018953	NGO TRAN NGOC QUY	NGUYEN TRI PHUONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	22,5	22	77,5
101	1019050	LE HUY HIEU	VINSCHOOL GARDENIA	Vietnam	33	22,5	22	77,5
102	1019094	VU LE QUYNH CHI	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	22,5	22	77,5
103	1019172	NGUYEN HO KHANH LINH	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	22,5	21	77,5
104	1019277	NGUYEN TRONG AN	SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL	Vietnam	33	22,5	22	77,5
105	1019602	LE QUYNH CHI	TRAN MAI NINH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	22,5	21	77,5
106	1019671	PHAM KHANH AN	FPT SCHOOL	Vietnam	33	22,5	22	77,5
107	1046592	NGUYEN CHI DUNG	KHUONG DINH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	22,5	22	77,5
108	1016546	LE DO MINH ANH	HUNG VUONG HIGH-QUALITY SCHOOL	Vietnam	34	24	19	77
109	1017156	NGUYEN LAN PHUONG	KHUONG MAI SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	24	21	77
110	1017413	DINH TIEN DUNG	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	24	20	77
111	1017889	HOANG GIA MINH	THANH XUAN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	24	22	77
112	1018210	QUACH TUONG VI	LE QUY DON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Vietnam	31	24	22	77
113	1018566	TRAN LINH CHI	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	24	21	77
114	1018689	TRAN MANH TIEN	NEWTON 5 PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	24	21	77
115	1019180	NGUYEN MINH ANH	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	24	21	77
116	1019182	LE NGUYEN LINH CHI	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	21	22	77
117	1016971	NGUYEN NGOC TRUONG SON	FPT SCHOOL	Vietnam	33	22,5	21	76,5
118	1017011	PHAM TIEN DUNG	TRONG DIEM SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	22,5	21	76,5
119	1017847	PHAM HA MY	NGUYEN LAN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	30	25,5	21	76,5
120	1018233	NGUYEN HOANG TUE CHI	KHUONG DINH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	22,5	20	76,5
121	1018551	NGUYEN MINH CHAU	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	22,5	22	76,5
122	1018562	TRUONG HA BAO VY	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	22,5	21	76,5
123	1018565	HA TUAN ANH	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	22,5	20	76,5
124	1018569	NGUYEN HIEN CHI	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	22,5	21	76,5
125	1019108	BUI KHANH LINH	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	22,5	22	76,5
126	1019162	DANG HIEN MINH	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	25,5	20	76,5
127	1019168	DONG DUC MINH	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	22,5	21	76,5
128	1019181	DO KHANH NGOC	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	22,5	21	76,5
129	1019670	NGUYEN KHOA BANG	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	22,5	20	76,5

130	1051591	DO NGUYEN HANH DUNG	NGUYEN LAN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	30	25,5	21	76,5
131	1016556	NGUYEN TRONG MINH	HUNG VUONG HIGH-QUALITY SCHOOL	Vietnam	30	24	22	76
132	1016628	TRAN THANH HAI	HONG HA PRIMARY SCHOOL	Vietnam	34	21	21	76
133	1017009	PHAM HA BAO LAM	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	21	22	76
134	1017577	NGUYEN KHANH MAI CHI	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	21	21	76
135	1017623	VU NGOC BAO HAN	VINH TRAI SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	24	21	76
136	1017952	NGUYEN LE LAN ANH	THITRAN TRAU QUY SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	21	22	76
137	1017968	NGUYEN NGOC MINH CHAU	SINH THAI DAI ME LINH PRIMARY AND SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	24	21	76
138	1018553	NGUYEN HA KHANH LINH	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	21	21	76
139	1018571	NGUYEN TRUONG MINH TUAN	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	21	21	76
140	1018580	TRAN BAO CHAU	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	21	21	76
141	1018725	MAI DIEU LINH	NAM TU LIEM SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	21	22	76
142	1019062	PHAM THANH HA	VIET NAM-ANGIERI SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	21	21	76
143	1019167	VU KHANH AN	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	21	21	76
144	1019176	PHAM DIEP CHI	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	21	21	76
145	1019428	DUONG QUOC ANH	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	24	20	76
146	1019603	LE TRAN BICH PHUONG	TRAN MAI NINH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	24	19	76
147	1019606	PHAN GIA BINH	TRAN MAI NINH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	21	22	76
148	1016746	LE NAM	FPT SCHOOL	Vietnam	33	22,5	20	75,5
149	1017165	NGUYEN DOAN NGOC DU	NGUYEN TRI PHUONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	22,5	21	75,5
150	1017296	PHAM DUY HUNG	FPT SCHOOL	Vietnam	34	19,5	22	75,5
151	1017780	NGUYEN VU YEN NHI	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	22,5	20	75,5
152	1017862	LE PHUONG VY	THANH XUAN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	22,5	20	75,5
153	1017866	NGO HUONG GIANG	THANH XUAN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	22,5	20	75,5
154	1017877	NGUYEN HUU DUC KIEN	THANH XUAN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	22,5	21	75,5
155	1017951	HOANG HUYEN DIEU	THITRAN TRAU QUY SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	22,5	21	75,5
156	1018235	TRINH HOANG SON	KHUONG DINH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	22,5	21	75,5
157	1018558	PHAN HOANG THU	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	22,5	21	75,5
158	1018650	NGUYEN HOAI BAO NGOC	THAI BINH DUONG PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Vietnam	32	22,5	21	75,5
159	1018726	NGUYEN KIM KHAI	NAM TU LIEM SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	22,5	22	75,5
160	1019190	PHAM NGOC LIEN NHI	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	22,5	22	75,5
161	1016478	TRINH SONG THU	NGUYEN AN NINH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	21	20	75
162	1018544	PHAM HIEU ANH	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	21	22	75

163	1018579	NGUYEN HOANG BACH	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	21	20	75
164	1018718	VUONG QUOC CUONG	NAM TU LIEM SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	21	21	75
165	1018923	LE NGUYEN NHAT MINH	WESTERN HANOI SCHOOL	Vietnam	30	24	21	75
166	1019114	NGUYEN TRAN LAM	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	21	22	75
167	1019187	DOAN BAO TRAN	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	21	21	75
168	1019276	NGUYEN HOANG BAO HAN	SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL	Vietnam	29	24	22	75
169	1019422	VU BAO TRAN	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	21	22	75
170	1016554	NGUYEN HOANG KIM	HUNG VUONG HIGH-QUALITY SCHOOL	Vietnam	32	22,5	20	74,5
171	1016558	DAO PHUONG THUY	HUNG VUONG HIGH-QUALITY SCHOOL	Vietnam	31	22,5	21	74,5
172	1016933	DINH TIEN THANH	FPT SCHOOL	Vietnam	32	22,5	20	74,5
173	1017679	NGUYEN HOANG BAO MINH	HANOI STAR SCHOOL	Vietnam	32	22,5	20	74,5
174	1017852	VU TRONG TUNG LAM	NGUYEN LAN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	30	25,5	19	74,5
175	1018456	NGUYEN PHUNG THAI AN	NEWTON SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Vietnam	33	19,5	22	74,5
176	1018568	HOANG LE BAO NGOC	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	19,5	21	74,5
177	1016766	DO TRAN XUAN BACH	PHUC DIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	21	21	74
178	1017321	PHAM THANH THAO	NGHIA DO PRIMARY SCHOOL	Vietnam	34	18	22	74
179	1017558	LUU KHANH LY	THANH TRI PRIMARY SCHOOL	Vietnam	30	24	20	74
180	1018557	BUI QUANG MINH	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	21	21	74
181	1018570	TRAN TUONG CHI	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	24	19	74
182	1018647	TRAN THI HOANG ANH	THAI BINH DUONG PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Vietnam	31	21	22	74
183	1018858	NGUYEN TRANG NHUNG	THANH LIET SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	24	19	74
184	1019064	NGUYEN CONG HUY HOANG	VIET NAM-ANGIERI SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	21	22	74
185	1019169	VU QUYNH CHI	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	21	19	74
186	1019188	VU DINH DUNG	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	21	21	74
187	1019189	PHAM NGOC PHUC	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	21	20	74
188	1019287	NGUYEN ANH DUONG	SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL	Vietnam	32	21	21	74
189	1019439	NGUYEN XUAN BAO MINH	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	21	22	74
190	1017368	TRAN KHANH LINH	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	19,5	22	73,5
191	1017655	DO HONG LAM	HANOI STAR SCHOOL	Vietnam	31	22,5	20	73,5
192	1018545	TRAN SON TUNG	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	22,5	20	73,5
193	1018549	LAM VIET HUY	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	22,5	20	73,5
194	1018648	NGUYEN ANH HUY	THAI BINH DUONG PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Vietnam	31	22,5	20	73,5
195	1019441	PHAM MINH ANH	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	19,5	20	73,5

196	1017290	PHAN HUYNH THIEN TRUC	LAM SON SECONDARY SCHOOL	Vietnam	34	18	21	73
197	1017477	LE NGUYEN ANH THU	QUANG TRUNG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	18	22	73
198	1017868	NGUYEN THIEN PHUC	THANH XUAN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	18	22	73
199	1018552	NGUYEN KHANH LINH	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	21	21	73
200	1018575	NGUYEN LE THU TRANG	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	21	21	73
201	1018861	TRAN XUAN TIEN	THANH LIET SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	21	21	73
202	1019185	PHAM KHANH HUYEN	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	30	24	19	73
203	1019224	NGUYEN BAO NHI	SO 1 GIA PHU SECONDARY SCHOOL	Vietnam	30	24	19	73
204	1019429	LE DUC BAO	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	18	22	73
205	1016545	PHAM NGOC HUNG	HUNG VUONG HIGH-QUALITY SCHOOL	Vietnam	29	22,5	21	72,5
206	1016806	PHUNG BAO NAM	HANOI STAR SCHOOL	Vietnam	32	19,5	21	72,5
207	1017311	NGUYEN NGOC KHANH VY	LAM SON SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	19,5	20	72,5
208	1017666	LUU HO NGOC MINH	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	19,5	21	72,5
209	1018554	NGUYEN HOANG BAO NHI	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	30	22,5	20	72,5
210	1019166	TRAN HAI ANH	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	19,5	21	72,5
211	1019175	NGUYEN QUANG MINH	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	19,5	21	72,5
212	1019688	CHU BAO THU	VINSCHOOL GARDENIA	Vietnam	32	19,5	21	72,5
213	1016812	NGUYEN BUI THAO NHI	LY TU TRONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	21	20	72
214	1017521	LY TIEN MINH	LAM SON SECONDARY SCHOOL	Vietnam	29	21	22	72
215	1017602	DO NGUYEN HANH NGUYEN	NHAT TAN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	29	21	22	72
216	1018237	DOAN GIA HUNG	KHUONG DINH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	21	20	72
217	1018851	LE THANH DIEU LINH	PHU THUONG PRIMARY SCHOOL	Vietnam	32	21	19	72
218	1019067	TRUONG NGOC MINH TRANG	VIET NAM-ANGIERI SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	18	21	72
219	1019414	NGUYEN NGOC HONG ANH	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	21	20	72
220	1028939	NGUYEN THU HIEN	QUANG TRUNG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	18	21	72
221	1017282	NGUYEN TUAN HUNG	NAM THANH CONG PRIMARY SCHOOL	Vietnam	31	19,5	21	71,5
222	1017517	HOANG TUAN HUNG	LAM SON SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	16,5	22	71,5
223	1017664	HOANG MY PHUONG	HANOI STAR SCHOOL	Vietnam	29	22,5	20	71,5
224	1017782	NGUYEN DINH SONG MINH	LAM SON SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	16,5	22	71,5
225	1018242	NGO KHANH LINH	KHUONG DINH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	19,5	20	71,5
226	1018781	HOANG MAI TRUC QUYNH	CHU VAN AN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	30	19,5	22	71,5
227	1018857	DOAN DUC ANH	THANH LIET SECONDARY SCHOOL	Vietnam	30	19,5	22	71,5
228	1019427	DONG PHUONG LINH	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	19,5	21	71,5

229	1016551	NGUYEN VIET PHUC	HUNG VUONG HIGH-QUALITY SCHOOL	Vietnam	32	18	21	71
230	1016572	MAI TRONG NHAN	LINH NAM PRIMARY SCHOOL	Vietnam	29	21	21	71
231	1016754	DANG PHUONG VI	HANOI STAR SCHOOL	Vietnam	30	21	20	71
232	1017611	BUI KHANH LINH	VU LANG PRIMARY SCHOOL	Vietnam	31	21	19	71
233	1017648	NGUYEN MINH VU	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	18	20	71
234	1017710	NGO TUAN KHANH	NHAT TAN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	29	21	21	71
235	1018547	NGUYEN MAI HAI VY	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	30	21	20	71
236	1018864	BUI PHAM GIA BAO	THANH LIET SECONDARY SCHOOL	Vietnam	29	21	21	71
237	1019121	LE THANH PHONG	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	30	21	20	71
238	1017014	NGUYEN NGOC MINH CHAU	NGUYEN VAN HUYEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	30	19,5	21	70,5
239	1017197	LE DUC MINH	LY NAM DE SECONDARY SCHOOL	Vietnam	30	19,5	21	70,5
240	1017211	DANG DIEP CHI	KHUONG MAI SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	16,5	21	70,5
241	1017489	DINH TRI HUY	VINH TRAI SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	19,5	18	70,5
242	1017510	DINH NGOC MAI	LY NAM DE SECONDARY SCHOOL	Vietnam	29	22,5	19	70,5
243	1017578	VU HOANG NGOC ANH	LAM SON SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	16,5	21	70,5
244	1017695	NGUYEN DAI DUONG	GIAP BAT SECONDARY SCHOOL	Vietnam	30	19,5	21	70,5
245	1018866	LE HAI DANG	THANH LIET SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	19,5	19	70,5
246	1019440	PHAM HAI NGAN	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	19,5	20	70,5
247	1016661	NGUYEN MINH QUANG	THANH LIET SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	18	20	70
248	1018282	NGUYEN MINH PHUONG	HELIOS ENGLISH CENTRE	Vietnam	31	18	21	70
249	1018741	NGUYEN HONG VAN	NAM TU LIEM SECONDARY SCHOOL	Vietnam	30	21	19	70
250	1019179	PHAM NGOC KHUE	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	18	21	70
251	1019186	PHAM NGOC HA	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	30	18	22	70
252	1019433	NGUYEN HOANG HAI	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	18	21	70
253	1019445	VU BAO NGOC	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	33	15	22	70
254	1019607	NGUYEN NHAT MINH	THI TRAN CANH NANG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	18	21	70
255	1018116	HUYNH BAO THY	MY HANH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	19,5	19	69,5
256	1018283	LE MINH TRANG	HELIOS ENGLISH CENTRE	Vietnam	29	19,5	21	69,5
257	1019694	NGUYEN HA MY	TRUNG VUONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	16,5	22	69,5
258	1019120	NGUYEN DANH TUNG	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	18	20	69
259	1019286	LE VU MINH	SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL	Vietnam	31	18	20	69
260	1019292	PHAM THI DIEU ANH	SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL	Vietnam	31	18	20	69
261	1019430	LUU TUE ANH	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	30	18	21	69

262	1016571	PHAN GIA HUY	KIM LIEN PRIMARY SCHOOL	Vietnam	28	19,5	21	68,5
263	1017055	TRUONG NGOC THAI AN	LUONG KHANH THIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	16,5	20	68,5
264	1017059	NGUYEN HOANG HIEU	PEDAGOGICAL PRACTICE HIGH SCHOOL	Vietnam	30	16,5	22	68,5
265	1017850	NGUYEN DUC KHOI NGUYEN	NGUYEN LAN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	28	22,5	18	68,5
266	1018115	TRUONG HONG ANH	MY HANH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	19,5	18	68,5
267	1018852	DANG DUONG HOANG	PHU THUONG PRIMARY SCHOOL	Vietnam	28	19,5	21	68,5
268	1019102	NGO THI MY ANH	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	29	19,5	20	68,5
269	1019412	NGUYEN AN KHANH	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	30	19,5	19	68,5
270	1019413	NGUYEN NAM KHANH	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	16,5	21	68,5
271	1019434	NGUYEN LUU MAI ANH	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	29	19,5	20	68,5
272	1019443	TRAN VU DUC MINH	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	19,5	18	68,5
273	1016549	TRAN KHANH VAN	HUNG VUONG HIGH-QUALITY SCHOOL	Vietnam	31	18	19	68
274	1016895	TRAN HUONG LINH	DICH VONG A PRIMARY SCHOOL	Vietnam	26	21	21	68
275	1019283	BUI TRAN TRI NGHIA	SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL	Vietnam	28	21	19	68
276	1019290	NGUYEN VU CHAU HA	SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL	Vietnam	33	15	20	68
277	1019411	DAO TUNG LAM	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	28	21	19	68
278	1016779	DAO KHANH CHI	HANOI STAR SCHOOL	Vietnam	32	16,5	19	67,5
279	1018240	TRAN NGOC PHUONG THAO	KHUONG DINH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	29	19,5	19	67,5
280	1018572	GIAP GIA HUNG	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	30	19,5	18	67,5
281	1018779	VU HAI VINH	TRONG DIEM SECONDARY SCHOOL	Vietnam	29	16,5	22	67,5
282	1019198	NGUYEN VU MINH NHAT	TRAN PHU SECONDARY SCHOOL	Vietnam	30	19,5	18	67,5
283	1019419	TRAN MANH HAI	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	19,5	17	67,5
284	1017525	NGUYEN BAO LAM	LAM SON SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	15	20	67
285	1017851	NGUYEN XUAN BAO HUY	NGUYEN LAN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	26	21	20	67
286	1019068	TRUONG KHANH NGOC	VIET NAM-ANGIERI SECONDARY SCHOOL	Vietnam	29	18	20	67
287	1017021	NGUYEN TRONG DANG KHOI	PEDAGOGICAL PRACTICE HIGH SCHOOL	Vietnam	26	19,5	21	66,5
288	1017634	NGUYEN THANH NGAN	KIM LIEN PRIMARY SCHOOL	Vietnam	30	16,5	20	66,5
289	1018241	NGUYEN PHAM MAI TRANG	KHUONG DINH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	30	16,5	20	66,5
290	1019071	NGUYEN ANH TUAN	VIET NAM-ANGIERI SECONDARY SCHOOL	Vietnam	28	19,5	19	66,5
291	1019153	NGUYEN THI NHU QUYNH	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	13,5	21	66,5
292	1019289	NGUYEN HA PHUONG	SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL	Vietnam	31	16,5	19	66,5
293	1019184	NGUYEN QUANG VINH	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	15	19	66
294	1019421	VU BAO HAN	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	15	19	66

295	1018581	NGUYEN PHUONG CHI	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	30	16,5	19	65,5
296	1018651	UNG NHU Y	THAI BINH DUONG PRIMARY, SECONDARY AND HIGH SCHOOL	Vietnam	28	19,5	18	65,5
297	1017317	NGO DINH SON	FPT SCHOOL	Vietnam	32	16,5	16	64,5
298	1018555	VU GIA BACH	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	28	16,5	20	64,5
299	1019116	NGUYEN THI HUYEN NGA	NGUYEN TRUONG TO SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	13,5	20	64,5
300	1019431	NGUYEN ANH THU	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	32	13,5	19	64,5
301	1016883	PHAM HONG BACH	VINSCHOOL THANG LONG	Vietnam	30	18	16	64
302	1017107	DANG MINH HIEU	THI TRAN VAN DIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	27	21	16	64
303	1018924	DAO NGOC KY	WESTERN HANOI SCHOOL	Vietnam	30	15	19	64
304	1016934	TRAN TUE LINH	LAM SON SECONDARY SCHOOL	Vietnam	31	16,5	16	63,5
305	1018118	LE TAN LOC	MY HANH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	27	19,5	17	63,5
306	1018119	THAI HOANG NAM	MY HANH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	28	16,5	19	63,5
307	1018332	NGUYEN VI KHANH	NGUYEN TRAI PRIMARY SCHOOL	Vietnam	31	16,5	16	63,5
308	1019070	NGUYEN TRAN ANH MINH	VIET NAM-ANGIERI SECONDARY SCHOOL	Vietnam	24	19,5	20	63,5
309	1017622	LE ANH DUC	THI TRAN VAN DIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	29	15	19	63
310	1019060	NGUYEN THAO CHI	VIET NAM-ANGIERI SECONDARY SCHOOL	Vietnam	27	18	18	63
311	1017848	NGUYEN BA THANH TRUNG	NGUYEN LAN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	25	19,5	18	62,5
312	1019436	NGUYEN PHAM THI GIA BAO	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	27	19,5	16	62,5
313	1019601	LUU AN NHIEU	DIEN BIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	26	19,5	17	62,5
314	1019604	NGUYEN QUYNH CHI	TRAN MAI NINH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	27	16,5	19	62,5
315	1016526	NGUYEN VU GIA HUY	TRONG DIEM SECONDARY SCHOOL	Vietnam	27	16,5	18	61,5
316	1016548	NGUYEN TRAN TUAN ANH	HUNG VUONG HIGH-QUALITY SCHOOL	Vietnam	25	18	18	61
317	1019446	VU TRUNG HIEU	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	26	16,5	18	60,5
318	1019420	TRAN TUE LINH	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	29	15	16	60
319	1016814	NGUYEN MINH TRANG	LY THAI TO PRIMARY SCHOOL	Vietnam	29	13,5	17	59,5
320	1018130	LIEN DE QUANG PHU	MY HANH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	28	18	13	59
321	1018799	NGO GIA KIET	THANG LONG PRIMARY SCHOOL	Vietnam	29	15	15	59
322	1017894	TA DIEU LINH	PHU THI SECONDARY SCHOOL	Vietnam	28	13,5	17	58,5
323	1017849	NGUYEN NHAT LAM OANH	NGUYEN LAN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	27	15	16	58
324	1018281	HOANG THI HIEN	HELIOS ENGLISH CENTRE	Vietnam	27	21	10	58
325	1019417	PHUNG KHANH LINH	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	25	15	18	58
326	1019605	PHAM LE TRUONG THANH	TRAN MAI NINH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	25	18	15	58

327	1017901	NGUYEN BA MINH DUC	PHU THI SECONDARY SCHOOL	Vietnam	25	16,5	16	57,5
328	1018123	VO KIEU OANH	MY HANH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	28	15	14	57
329	1018125	NGUYEN NGOC KHANH VY	MY HANH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	25	18	14	57
330	1018860	HOANG HA LINH	THANH LIET SECONDARY SCHOOL	Vietnam	23	18	16	57
331	1018819	LE NGUYEN HOANG AN	MAI DICH PRIMARY SCHOOL	Vietnam	23	16,5	17	56,5
332	1019438	NGUYEN TUAN ANH	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	25	15	16	56
333	1017893	NGUYEN HA LINH	PHU THI SECONDARY SCHOOL	Vietnam	22	22,5	11	55,5
334	1018117	TRUONG VAN MINH DAN	MY HANH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	23	13,5	19	55,5
335	1019415	PHAM BINH PHUONG AN	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	22	16,5	17	55,5
336	1019432	NGUYEN BINH GIA LINH	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	25	18	12	55
337	1018122	TRAN HUYNH THAO TRANG	MY HANH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	24	10,5	19	53,5
338	1019423	VU NGOC THANG	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	21	15	16	52
339	1018126	VO THI THANH NGAN	MY HANH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	23	13,5	15	51,5
340	1018127	NGUYEN NGOC HUONG	MY HANH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	24	13,5	14	51,5
341	1019418	TRAN HOANG KHOI NGUYEN	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	27	13,5	11	51,5
342	1019435	NGUYEN NGOC BAO HAN	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	23	12	16	51
343	1018120	NGUYEN HOANG ANH	MY HANH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	25	10,5	14	49,5
344	1018129	LE HUYNH BAO LAM	MY HANH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	21	16,5	12	49,5
345	1018124	DAO THI MINH THU	MY HANH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	20	13,5	15	48,5
346	1019291	PHAM THANH HUY	SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL	Vietnam	22	13,5	13	48,5
347	1019284	DINH THI NGOC TUYET	SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL	Vietnam	27	6	15	48
348	1019424	VU QUANG MINH	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	25	12	11	48
349	1019437	NGUYEN PHI HUNG	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	19	15	14	48
350	1018234	NGUYEN VAN DONG	KHUONG DINH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	28	19,5		47,5
351	1019200	NGUYEN TRUONG GIANG	QUAN TOAN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	18	13,5	16	47,5
352	1019444	TRUONG KHANH LINH	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	19	16,5	12	47,5
353	1019416	PHAM THI MINH HA	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	21	12	12	45
354	1019426	DOAN GIA KHANH	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	20	12	13	45
355	1018574	NGUYEN HUU TRONG	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	16	12	13	41
356	1018128	NGUYEN MINH HIEU	MY HANH SECONDARY SCHOOL	Vietnam	19	7,5	13	39,5
357	1019425	DANG DUC DUY	KIM DONG SECONDARY SCHOOL	Vietnam	15	10,5	14	39,5
358	1019288	NGUYEN BOI SAN	SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL	Vietnam	13	13,5	8	34,5
359	1017544	CAO DUC MINH	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	0	0	0	0

360	1018546	NGUYEN MAI KHANH CHI	NGO SI LIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	0	0	0	0
361	1018715	PHAM THUY DUNG	NAM TU LIEM SECONDARY SCHOOL	Vietnam	0	0	0	0
362	1019209	VU HONG PHUC	LUONG KHANH THIEN SECONDARY SCHOOL	Vietnam	0	0	0	0